

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và  
các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2014

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
<b>Đăng ký Doanh Nghiệp số</b>	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011
	0301445210	ngày 15 tháng 4 năm 2013
	0301445210	ngày 26 tháng 8 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 26 tháng 8 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

<b>Quyết định cổ phần hóa</b>	3241/QD-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên
	Ông Diệu Chí Hào	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Phượng	Thành viên
	Ông Lê Thiết Hùng	Thành viên

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Phú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Thiết Hùng	Kế toán trưởng

<b>Trụ sở đăng ký</b>	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

<b>Đơn vị kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------


## **Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khiêm  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2014

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành 28 tháng 11 năm 2014, được trình bày từ trang 4 đến trang 48. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.


Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230  
Báo cáo soát xét số: 14-01-630/2



  
Lam Thị Ngọc Hào  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0866-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Thanh Nghi  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2014

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014**

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>941.622.729.849</b>	<b>705.302.044.461</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>101.424.184.788</b>	<b>57.578.076.285</b>
Tiền	111		65.624.184.788	32.578.076.285
Các khoản tương đương tiền	112		35.800.000.000	25.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		11.000.000.000	25.000.000.000
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>6</b>	<b>430.809.996.089</b>	<b>241.993.136.957</b>
Phải thu khách hàng	131		305.710.734.142	211.083.126.016
Trả trước cho người bán	132		111.504.945.466	20.967.931.162
Các khoản phải thu khác	135		14.414.930.987	10.762.694.285
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(820.614.506)	(820.614.506)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>350.894.021.386</b>	<b>365.071.056.450</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>47.494.527.586</b>	<b>15.659.774.769</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		842.115.453	548.265.191
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.975.816.025	5.012.280.908
Tài sản ngắn hạn khác	158		38.676.596.108	10.099.228.670
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>411.389.869.545</b>	<b>365.949.410.562</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>378.488.443.763</b>	<b>334.964.437.426</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	328.664.312.947	329.713.403.971
Nguyên giá	222		941.446.801.635	921.329.728.037
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(612.782.488.688)	(591.616.324.066)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		889.772.808	889.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(889.772.808)	(889.772.808)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	49.824.130.816	5.251.033.455
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>697.595.012</b>	<b>812.246.658</b>
Nguyên giá	241		26.436.678.414	26.557.628.414
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(25.739.083.402)	(25.745.381.756)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>21.837.857.028</b>	<b>21.085.563.096</b>
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		12.269.092.157	11.516.798.225
Đầu tư dài hạn khác	258		10.350.000.000	10.350.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(781.235.129)	(781.235.129)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.365.973.742</b>	<b>9.087.163.382</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		9.932.380.891	8.683.570.531
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	27	151.528.851	151.528.851
Tài sản dài hạn khác	268		282.064.000	252.064.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.353.012.599.394</b>	<b>1.071.251.455.023</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>796.494.571.190</b>	<b>560.283.174.633</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>741.315.951.732</b>	<b>554.331.006.855</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	475.274.655.143	293.875.499.635
Phải trả người bán	312	13	141.470.598.094	113.665.963.041
Người mua trả tiền trước	313		7.387.079.662	5.863.046.985
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	8.025.832.263	11.922.395.460
Phải trả người lao động	315		60.993.778.867	66.007.972.622
Chi phí phải trả	316		378.168.691	936.015.203
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	32.929.224.379	54.978.626.746
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		14.856.614.633	7.081.487.163
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>55.178.619.458</b>	<b>5.952.167.778</b>
Phải trả dài hạn khác	333		230.000.000	190.000.000
Vay dài hạn	334	16	54.948.619.458	5.762.167.778

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

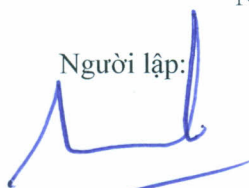
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>491.162.517.402</b>	<b>448.134.676.185</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>491.162.517.402</b>	<b>448.134.676.185</b>
Vốn cổ phần	411	18	200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.172.727.273	2.172.727.273
Quỹ đầu tư và phát triển	417	19	57.446.348.207	55.947.556.557
Quỹ dự phòng tài chính	418	19	6.939.295.571	6.722.903.277
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		634.786.078	634.786.078
Lợi nhuận chưa phân phối	420		223.969.360.273	182.656.703.000
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>20</b>	<b>65.355.510.802</b>	<b>62.833.604.205</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)</b>	<b>440</b>		<b>1.353.012.599.394</b>	<b>1.071.251.455.023</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/6/2014	31/12/2013
Ngoại tệ - USD	593.815	70.227

Ngày 28 tháng 11 năm 2014

Người lập:



Lê Thiết Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014**

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Tổng doanh thu	01	21	1.125.614.255.951	981.616.174.573
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	3.097.704.942	51.693.129
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>1.122.516.551.009</b>	<b>981.564.481.444</b>
Giá vốn hàng bán	11	22	978.832.132.616	853.337.459.049
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>143.684.418.393</b>	<b>128.227.022.395</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.746.933.688	1.232.204.269
Chi phí tài chính	22	24	9.145.106.796	6.327.129.079
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.905.542.565	4.669.540.957
Chi phí bán hàng	24		15.124.361.443	16.339.494.339
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		55.849.183.049	45.447.152.289
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>66.312.700.793</b>	<b>61.345.450.957</b>
Thu nhập khác	31	25	9.996.828.546	6.989.050.495
Chi phí khác	32	26	8.843.957.806	6.959.824.662
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.152.870.740</b>	<b>29.225.833</b>
<b>Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh</b>	<b>41</b>	<b>12</b>	<b>1.177.293.932</b>	<b>1.240.012.845</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)</b>	<b>50</b>		<b>68.642.865.465</b>	<b>62.614.689.635</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	13.970.621.151	13.306.212.854
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>54.672.244.314</b>	<b>49.308.476.781</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



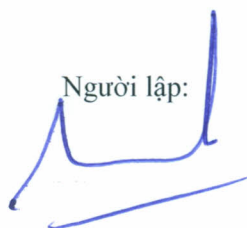
**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		54.672.244.314	49.308.476.781
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông thiểu số	61	20	2.998.510.864	2.376.747.018
Chủ sở hữu của Công ty	62		51.673.733.450	46.931.729.763
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>28</b>	<b>2.584</b>	<b>2.347</b>

Ngày 28 tháng 11 năm 2014

Người lập:



Lê Thiết Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm  
Tổng Giám đốc

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>68.642.865.465</b>	<b>62.614.689.635</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		29.274.659.394	30.297.062.482
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(2.830.339.806)	(1.551.558.471)
Chi phí lãi vay	06		7.905.542.565	4.669.540.957
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>102.992.727.618</b>	<b>96.029.734.603</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(222.538.675.577)	(66.427.343.695)
Biến động hàng tồn kho	10		14.177.035.064	51.545.999.109
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		24.830.985.281	64.213.511.469
Biến động chi phí trả trước	12		(1.542.660.622)	(3.298.752.829)
			<b>(82.080.588.236)</b>	<b>142.063.148.657</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(7.905.542.565)	(4.669.540.957)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(17.721.457.033)	(7.054.070.474)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(922.369.030)	(5.920.287.744)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(108.629.956.864)</b>	<b>124.419.249.482</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(72.684.014.085)	(8.559.715.723)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		382.588.183	24.454.545
Tiền cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(15.100.000.000)	(20.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		29.100.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(9.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		3.421.371.581	1.631.519.951
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(54.880.054.321)</b>	<b>(35.903.741.227)</b>

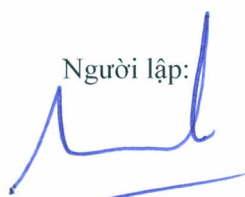
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	11.000.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	799.994.700.347	386.665.694.589
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(569.409.093.159)	(492.902.986.428)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36	(34.229.487.500)	(26.896.104.506)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>207.356.119.688</b>	<b>(133.133.396.345)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>43.846.108.503</b>	<b>(44.617.888.090)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	57.578.076.285	70.884.379.919
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70 4	101.424.184.788	26.266.491.829

Ngày 28 tháng 1 năm 2014

Người lập:  


Lê Thiết Hùng  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:  
  
 Nguyễn Đức Khiêm  
 Tổng Giám đốc

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014**

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Tổng vốn điều lệ của Công ty được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 200.000.000.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tập đoàn có 3.096 nhân viên (31/12/2013: 3.033 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các chính sách kế toán được áp dụng bởi Tập đoàn cho báo cáo tài chính giữa niên độ này thống nhất với những chính sách kế toán Tập đoàn áp dụng cho báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty con đó. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát cho tới ngày kết thúc quyền kiểm soát.

**(ii) Công ty liên doanh**

Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (sau đây gọi chung là “Công ty liên doanh”). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên doanh, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên doanh mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên doanh, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên doanh.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ phát sinh từ các giao dịch với công ty liên doanh được loại trừ trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên doanh.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tập đoàn không nắm quyền kiểm soát, quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Bất động sản đầu tư**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 16 năm
-----------	------------

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

*Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(m) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
  
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) *Vốn chủ sở hữu***

**(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) *Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu***

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

**(p) *Doanh thu***

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) *Dịch vụ gia công***

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) *Doanh thu cho thuê***

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

**(q) *Doanh thu từ tiền lãi***

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(r) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(t) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

**(v) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh vật liệu dệt may và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	660.266.488	262.451.568
Tiền gửi ngân hàng	64.963.918.300	29.315.624.717
Tiền đang chuyển	-	3.000.000.000
Các khoản tương đương tiền	35.800.000.000	25.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	101.424.184.788	57.578.076.285
	<hr/>	<hr/>

**5. Các khoản đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, có lãi suất hàng năm từ 6,6% đến 6,8%.

**6. Các khoản phải thu**

Trong các khoản phải thu khách hàng có các khoản sau:

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu công ty liên doanh	1.507.456.041	802.517.434
Phải thu các công ty liên quan khác	6.369.762.072	21.144.120.698
Phải thu các bên thứ ba	297.833.516.029	189.136.487.884
	<hr/>	<hr/>
	305.710.734.142	211.083.126.016
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi phải thu	-	670.913.890
Cổ tức phải thu từ các bên liên quan khác	1.530.922.000	3.010.922.000
Phải thu khác	12.884.008.987	7.080.858.395
	<hr/>	<hr/>
	14.414.930.987	10.762.694.285
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**7. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	12.205.542.679	34.165.089.566
Nguyên vật liệu	73.576.959.559	62.512.791.234
Công cụ và dụng cụ	52.984.985	31.854.453
Sản phẩm dở dang	30.660.120.782	34.326.189.224
Thành phẩm	196.255.875.273	209.329.943.415
Hàng hóa	24.726.053.609	7.458.742.007
Hàng gửi đi bán	13.416.484.499	17.246.446.551
	<hr/>	<hr/>
	350.894.021.386	365.071.056.450
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 128 tỷ VND (31/12/2013: 126 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (xem Thuyết minh 12).

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	132.231.504.334	957.654.706	774.968.443.731	13.172.125.266	921.329.728.037
Tăng trong kỳ	-	-	4.373.465.719	-	4.373.465.719
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.072.203.175	-	17.005.247.830	660.000.000	23.737.451.005
Thanh lý	(1.348.455.790)	-	(6.645.387.336)	-	(7.993.843.126)
Số dư cuối kỳ	136.955.251.719	957.654.706	789.701.769.944	13.832.125.266	941.446.801.635
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	83.382.474.645	600.020.721	499.444.789.543	8.189.039.157	591.616.324.066
Khấu hao trong kỳ	3.643.364.893	55.874.178	24.672.412.098	788.356.579	29.160.007.748
Thanh lý	(1.348.455.790)	-	(6.645.387.336)	-	(7.993.843.126)
Số dư cuối kỳ	85.677.383.748	655.894.899	517.471.814.305	8.977.395.736	612.782.488.688
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	48.849.029.689	357.633.985	275.523.654.188	4.983.086.109	329.713.403.971
Số dư cuối kỳ	51.277.867.971	301.759.807	272.229.955.639	4.854.729.530	328.664.312.947

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 273 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (31/12/2013: 261 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 77 tỷ VND (31/12/2013: 50 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**9. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	5.251.033.455	458.545.455
Tăng trong kỳ/năm	68.310.548.366	31.357.953.115
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(23.737.451.005)	(26.565.465.115)
Số dư cuối kỳ	49.824.130.816	5.251.033.455

**10. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	26.557.628.414
Thanh lý	(120.950.000)
Số dư cuối kỳ	26.436.678.414
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	25.745.381.756
Khấu hao trong kỳ	114.651.646
Thanh lý	(120.950.000)
Số dư cuối kỳ	25.739.083.402
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	812.246.658
Số dư cuối kỳ	697.595.012

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2014			31/12/2013			VND	Số lượng	31/12/2013			VND
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết						
<b>Đầu tư góp vốn liên doanh</b>												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%	50,00%	12.269.092.157	-	50,00%	50,00%	11.516.798.225				
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	-	900.000	20,00%	20,00%	-				
				<u>12.269.092.157</u>				<u>11.516.798.225</u>				
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>												
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%	12,00%	3.600.000.000	-	12,00%	12,00%	3.600.000.000				
• Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	75.000	3,63%	3,63%	750.000.000	75.000	4,36%	4,36%	750.000.000				
• Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định	500.000	5,00%	5,00%	5.000.000.000	500.000	5,00%	5,00%	5.000.000.000				
• Công ty Cổ phần Phong Việt	100.000	10,00%	10,00%	1.000.000.000	100.000	10,00%	10,00%	1.000.000.000				
				<u>10.350.000.000</u>				<u>10.350.000.000</u>				
				<u>22.619.092.157</u>				<u>21.866.798.225</u>				
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(781.235.129)				(781.235.129)				
				<u>21.837.857.028</u>				<u>21.085.563.096</u>				

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	11.516.798.225	9.046.400.719
Tăng trong kỳ/năm	-	9.000.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên doanh	1.177.293.932	(6.529.602.494)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(425.000.000)	-
Số dư cuối kỳ/năm	12.269.092.157	11.516.798.225

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	781.235.129	858.349.029
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	165.886.100
Hoàn nhập	-	(243.000.000)
Số dư cuối kỳ/năm	781.235.129	781.235.129

**Các công ty trong Tập đoàn**

Sau đây là danh sách các công ty con, công ty liên doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2014:

Tên	Địa chỉ	Hợp nhất	30/6/2014 % sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2013 % sở hữu và quyền biểu quyết
<b>Công ty con</b>				
Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	52,27%	52,27%
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	58,55%	58,55%

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Tên	Địa chỉ		30/6/2014 % sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2013 % sở hữu và quyền biểu quyết
<b>Công ty liên doanh</b>				
		<b>Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b>		
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	20,00%	20,00%

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	473.353.932.551	290.034.054.450
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16)	1.920.722.592	3.841.445.185
	<b>475.274.655.143</b>	<b>293.875.499.635</b>

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b><i>NHTMCP Ngoại thương Việt Nam</i></b>					
Khoản vay	VND	4,0% - 6,5%	2014	108.503.070.884	102.254.780.772
Khoản vay	USD	3,5% - 3,8%	2014	58.717.638.465	38.019.748.239
Khoản vay	USD	3,2%	2014	103.199.186.633	51.025.267.125
<b><i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i></b>					
Khoản vay	VND	7,5% - 11,0%	2014	-	4.949.595.005
Khoản vay	VND	6,4% - 6,5%	2014	65.537.808.698	-
<b><i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</i></b>					
Khoản vay	USD	2,5% - 2,8%	2014	26.316.213.599	45.799.222.532
Khoản vay	USD	2,5% - 2,8%	2014	39.433.207.046	37.070.370.303
<b><i>Ngân hàng ANZ</i></b>					
Khoản vay	USD	3,5%	2014	39.023.162.341	10.915.070.474
<b><i>Ngân hàng Quốc Tế</i></b>					
Khoản vay	USD	2,5%	2014	32.623.644.885	-
				473.353.932.551	290.034.054.450

Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 128 tỷ VND (31/12/2013: 126.180 triệu VND).

### 13. Phải trả người bán

Phải trả người bán bao gồm:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả Công ty mẹ	70.000.000	-
Phải trả các bên liên quan khác	4.746.627	16.179.933.003
Phải trả các bên thứ ba	141.395.851.467	97.486.030.038
		113.665.963.041
		141.470.598.094

Khoản phải trả các bên liên quan trên không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày từ ngày xuất hóa đơn.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	448.949.137	380.904.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.333.024.189	11.328.936.087
Thuế thu nhập cá nhân	227.485.537	201.687.359
Thuế tài nguyên	16.373.400	10.867.430
	<hr/>	<hr/>
	8.025.832.263	11.922.395.460
	<hr/>	<hr/>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	17.836.215.000	52.065.702.500
Phát hành cổ phần mới trong năm 2014 (*)	11.000.000.000	-
Kinh phí công đoàn	801.551.689	798.767.747
Bảo hiểm xã hội	1.605.255.810	33.672.148
Bảo hiểm y tế	23.420.160	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.662.781.720	2.080.484.351
	<hr/>	<hr/>
	32.929.224.379	54.978.626.746
	<hr/>	<hr/>

(\*) Đây là số dư liên quan đến việc phát hành cổ phiếu cho nhân viên của Tập đoàn trong năm 2014 được ghi nhận tạm thời trong khoản mục phải trả khác do việc sửa đổi giấy phép kinh doanh của Công ty chưa hoàn tất. Khoản này sẽ được chuyển vào vốn khi hoàn tất việc sửa đổi giấy phép kinh doanh.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**16. Vay dài hạn**

	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	56.869.342.050	9.603.612.963
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 12)	(1.920.722.592)	(3.841.445.185)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	54.948.619.458	5.762.167.778
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất (năm)</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>					
Hợp đồng vay số					
00310/2010/0000177	USD	6,5%	2016	7.682.890.370	9.603.612.963
<i>Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</i>					
Hợp đồng vay số					
0030/DTDA/11CD	USD	4,5%	2022	49.186.451.680	-
				<hr/>	<hr/>
				56.869.342.050	9.603.612.963
				<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	200.000.000.000	2.172.727.273	54.578.008.108	6.519.561.990	634.786.078	173.636.018.892	437.541.102.341
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	46.931.729.763	46.931.729.763
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.369.548.449	203.341.287	-	(1.572.889.736)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.894.814.634)	(9.894.814.634)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>	200.000.000.000	2.172.727.273	55.947.556.557	6.722.903.277	634.786.078	199.100.044.285	464.578.017.470
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	200.000.000.000	2.172.727.273	55.947.556.557	6.722.903.277	634.786.078	182.656.703.000	448.134.676.185
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	51.673.733.450	51.673.733.450
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.498.791.650	216.392.294	-	(1.715.183.944)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.645.892.233)	(8.645.892.233)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	200.000.000.000	2.172.727.273	57.446.348.207	6.939.295.571	634.786.078	223.969.360.273	491.162.517.402

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**18. Vốn cổ phần**

Cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	10.145.000	101.450.000.000	10.145.000	101.450.000.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**19. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

**(i) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh. Khi quỹ này được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

**(ii) Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**20. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	62.833.604.205	61.226.244.927
Lợi nhuận thuần trong kỳ/năm	2.998.510.864	3.884.794.319
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho lợi ích cổ đông thiểu số	(476.604.267)	(368.185.041)
Cổ tức	-	(1.909.250.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	65.355.510.802	62.833.604.205

**21. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2014 VND</b>	<b>30/6/2013 VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	810.408.629.030	705.861.849.182
▪ Bán hàng hóa	304.660.218.532	264.195.844.482
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	5.128.820.910	6.400.118.610
▪ Cung cấp dịch vụ	5.416.587.479	5.158.362.299
	<hr/>	<hr/>
	1.125.614.255.951	981.616.174.573
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	2.926.753.187	5.834.875
▪ Giảm giá hàng bán	79.001.678	45.858.254
▪ Chiết khấu thương mại	91.950.077	-
	<hr/>	<hr/>
	3.097.704.942	51.693.129
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.122.516.551.009	981.564.481.444

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**22. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	676.967.990.590	591.032.176.038
▪ Hàng hoá đã bán	296.988.500.771	257.278.449.827
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	96.232.982	738.401.127
▪ Dịch vụ đã cung ứng	4.779.408.273	4.288.432.057
	978.832.132.616	853.337.459.049

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi		
▪ Các bên liên quan	16.177.778	-
▪ Ngân hàng	1.311.626.364	461.769.951
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	1.156.086.392	506.979.781
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	263.043.154	263.454.537
	2.746.933.688	1.232.204.269

**24. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	7.905.542.565	4.669.540.957
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.239.564.231	1.657.588.122
	9.145.106.796	6.327.129.079

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**25. Thu nhập khác**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Bán phế liệu	6.412.514.396	4.025.883.117
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	382.588.183	24.454.545
Thu phí tiền điện tử các công ty liên quan	960.264.920	931.533.197
Thu nhập khác	2.241.461.047	2.007.179.636
	<b>9.996.828.546</b>	<b>6.989.050.495</b>

**26. Chi phí khác**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Chi phí bán phế liệu	6.137.234.047	3.750.920.243
Chi phí tiền điện cho các công ty liên quan	551.115.083	600.817.167
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thanh lý	-	4.848.474
Chi phí khác	2.155.608.676	2.603.238.778
	<b>8.843.957.806</b>	<b>6.959.824.662</b>

**27. Thuế thu nhập**

**(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản cố định	132.928.851	132.928.851
Chi phí phải trả	18.600.000	18.600.000
	<b>151.528.851</b>	<b>151.528.851</b>

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	13.970.621.151	13.298.657.539
Dự phòng thiếu những năm trước	-	7.555.315
Chi phí thuế thu nhập	13.970.621.151	13.306.212.854

**(c) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	68.642.865.465	62.614.689.635
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.771.275.163	12.590.216.231
Chi phí không được khấu trừ thuế	172.395.271	444.646.790
Thu nhập không bị tính thuế	(253.058.786)	(326.557.157)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	280.009.503	590.351.675
Dự phòng thiếu những năm trước	-	7.555.315
	13.970.621.151	13.306.212.854

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(d) Thuế suất áp dụng**

*Công ty*

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (năm 2007). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm 2007 và 2008 và giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011). Toàn bộ các khoản miễn và giảm thuế không áp dụng cho thu nhập khác mà thu nhập này chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 25%).

*Các công ty con*

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty Cổ phần May Việt Thắng được hưởng ưu đãi thuế suất 20% thuế thu nhập trong mười năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh (2006). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm 2006 và 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm tiếp theo (2008 đến 2010). Toàn bộ các khoản miễn và giảm thuế không áp dụng cho thu nhập khác mà thu nhập này chịu mức thuế suất là 22% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 25%).

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 25%) trên lợi nhuận tính thuế.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

**28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 51.673.733.450 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 46.931.729.763 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 20.000.000 cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 20.000.000 cổ phiếu), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.673.733.450	46.931.729.763

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) *Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền*

	Giai đoạn sáu tháng	
	kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2014
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6	20.000.000	20.000.000

**29. Các công cụ tài chính**

(a) **Quản lý rủi ro tài chính**

(i) *Tổng quan*

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) *Khung quản lý rủi ro*

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(b) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	100.763.918.300	54.315.624.717
Các khoản đầu tư ngắn hạn	(ii)	11.000.000.000	25.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	319.305.050.623	221.025.205.795
		431.068.968.923	300.340.830.512

**(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn**

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng, tiền gửi có kỳ hạn được trình bày như các khoản đầu tư ngắn hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

**(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các tài sản tài chính này.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 7 ngày đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Nếu quá thời hạn hoàn trả các khoản phải thu đó chịu lãi suất mỗi tháng là 1,13%. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 45 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Tập đoàn không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	<b>Gộp</b> <b>30/6/2014</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng phải thu</b> <b>khó đòi</b> <b>30/6/2014</b> <b>VND</b>
Trong hạn	218.736.525.613	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	67.029.423.539	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	19.016.414.198	-
Quá hạn trên 180 ngày	928.370.792	(820.614.506)
	305.710.734.142	(820.614.506)

	<b>Gộp</b> <b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng phải</b> <b>thu khó đòi</b> <b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Trong hạn	134.469.017.610	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	57.611.435.640	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	26.592.097.394	-
Quá hạn trên 180 ngày	3.173.269.657	(820.614.506)
	221.845.820.301	(820.614.506)



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Biến động của dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	820.614.506	485.832.519
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	334.781.987
Số dư cuối kỳ/năm	820.614.506	820.614.506

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Ngày 30 tháng 6 năm 2014**

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay ngắn hạn	473.353.932.551	479.156.050.972	479.156.050.972	-	-	-
Phải trả người bán	141.470.598.094	141.470.598.094	141.470.598.094	-	-	-
Phải trả người lao động	60.993.778.867	60.993.778.867	60.993.778.867	-	-	-
Chi phí phải trả	378.168.691	378.168.691	378.168.691	-	-	-
Phải trả khác	32.929.224.379	32.929.224.379	32.929.224.379	-	-	-
Vay dài hạn	56.869.342.050	67.653.363.615	6.475.794.977	21.833.896.779	24.568.852.201	14.774.819.658
	765.995.044.632	782.581.184.618	721.403.615.980	21.833.896.779	24.568.852.201	14.774.819.658

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Vay ngắn hạn	290.034.054.450	293.166.578.380	293.166.578.380	-	-
Phải trả người bán	113.665.963.041	113.665.963.041	113.665.963.041	-	-
Phải trả người lao động	66.007.972.622	66.007.972.622	66.007.972.622	-	-
Chi phí phải trả	936.015.203	936.015.203	936.015.203	-	-
Phải trả khác	54.978.626.746	54.978.626.746	54.978.626.746	-	-
Vay dài hạn	9.603.612.963	10.289.972.523	4.305.307.460	4.052.744.468	1.931.920.595
Phải trả dài hạn khác	190.000.000	190.000.000	190.000.000	-	-
	535.416.245.025	539.235.128.515	533.250.463.452	4.052.744.468	1.931.920.595

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán, và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ của các đơn vị Tập đoàn, là tiền VND. Đơn vị tiền tệ của những giao dịch này chủ yếu là USD.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tập đoàn có các khoản tài sản/nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2014 USD	31/12/2013 USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	593.815	70.227
Phải thu khách hàng	5.763.615	3.041.227
Phải trả người bán	(2.479.898)	(2.708.035)
Vay ngắn hạn	(14.169.157)	(8.672.021)
Vay dài hạn	(2.684.043)	(454.394)
Ký quỹ ngắn hạn	-	129.500
	(12.975.668)	(8.593.496)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
1 USD	21.310	21.080

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	<b>Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần sau thuế VND</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	
USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần	(2.156.789.584)
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	
USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần	(1.358.631.718)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) **Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Các khoản trong đưng tiền	35.800.000.000	25.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	11.000.000.000	25.000.000.000
Vay ngắn hạn	(181.655.556.019)	(99.010.707.902)
	<hr/>	<hr/>
	(134.855.556.019)	(49.010.707.902)
	<hr/>	<hr/>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Tiền gửi ngân hàng	64.963.918.300	29.315.624.717
Vay ngắn hạn	(291.698.376.532)	(191.023.346.548)
Vay dài hạn	(56.869.342.050)	(9.603.612.963)
	<hr/>	<hr/>
	(283.603.800.282)	(171.311.334.794)
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn chịu rủi ro biến động tỷ giá từ các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của việc biến động lãi suất. Lãi suất tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 2,2 tỷ VND lợi nhuận thuần của Công ty (31/12/2013: 1,3 tỷ VND).

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính chỉ dùng cho mục đích thuyết minh. Các chính sách sau được dùng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	101.424.184.788	101.424.184.788	57.578.076.285	57.578.076.285
- Đầu tư ngắn hạn	11.000.000.000	11.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	319.305.050.623	319.305.050.623	221.025.205.795	221.025.205.795
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(141.470.598.094)	(141.470.598.094)	(113.665.963.041)	(113.665.963.041)
- Vay ngắn hạn	(473.353.932.551)	(473.353.932.551)	(290.034.054.450)	(290.034.054.450)
- Nợ phải trả tài chính khác	(61.371.947.558)	(61.371.947.558)	(66.943.987.825)	(66.943.987.825)
- Vay dài hạn	(56.869.342.050)	(*)	(9.603.612.963)	(*)

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và nợ tài chính xấp xỉ giá trị hợp lý do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ này.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Công ty liên doanh và liên kết</b>				
<b>Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I</b>				
Bán thành phẩm	15.214.300	-	-	-
Mua hàng hóa	9.663.733	-	-	-
Mua dịch vụ	140.448.000	-	-	-
Doanh thu gia công	-	15.384.200	-	-
Thu nhập cho thuê	750.000.000	750.000.000	-	-
Thu nhập khác	1.351.707.292	1.124.198.992	1.507.456.041	802.517.434
Phân phối cổ tức	-	-	-	(1.000.000.000)
Thu nhập cổ tức	-	-	1.530.922.000	1.930.922.000
Cho vay	4.100.000.000	-	-	-
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh</b>				
Bán thành phẩm	1.515.464.300	8.316.254.659	-	1.138.483.830
Doanh thu gia công	-	111.952.941	-	-
Mua hàng hóa	6.130.175.053	37.940.479.176	(4.746.627)	-

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Trong giai đoạn sáu tháng			
	30/6/2014	30/6/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
<b>Các công ty liên quan khác</b>				
<b>Công ty TNHH Dệt Việt Phú</b>				
Bán thành phẩm	107.146.884.404	98.133.780.319	4.816.424.501	18.392.521.876
Bán dụng cụ và phụ tùng	4.211.302.660	4.464.681.420	-	-
Thu nhập cho thuê	2.938.090.910	2.938.090.910	-	-
Thu nhập khác	461.206.099	412.595.782	-	-
Mua hàng hóa	207.655.361.102	173.390.750.836	-	(15.981.569.414)
Lãi trả chậm	647.879.178	-	-	-
Thu nhập cổ tức	-	-	-	1.080.000.000
<b>Tập đoàn Dệt may Việt Nam</b>				
Phân phối cổ tức	-	-	(16.637.500.000)	(24.637.500.000)
Phí thành viên	70.000.000	-	-	-
<b>Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương</b>				
Bán thành phẩm	2.934.467.200	-	704.506.880	509.936.680
Doanh thu gia công	-	2.480.400	-	-
<b>Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam</b>				
Dịch vụ gia công	26.065.600	-	-	(21.375.750)
Bán thành phẩm	67.244.450	-	73.968.895	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>				
Mua hàng hóa	1.428.205.766	1.360.803.629	-	-
Bán thành phẩm	493.550.500	176.173.980	-	-

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Trong giai đoạn sáu tháng		30/6/2014	31/12/2013
	kết thúc ngày		VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú</b>				
Bán thành phẩm	455.159.472	221.510.600	82.492.591	2.394.340
Doanh thu gia công	136.737.175	1.161.827.280	-	-
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>				
Bán thành phẩm	1.788.532.950	929.272.500	633.959.205	157.337.400
<b>Công ty TNHH MTV Dệt 8-3</b>				
Bán thành phẩm	404.400.000	-	-	128.918.119
Doanh thu gia công	935.646.980	-	58.410.000	-
<b>Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý</b>				
Lương và thưởng	2.680.536.380	2.469.622.565	-	-



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn sáu tháng	
	kết thúc ngày	
	30/62014	30/62013
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	788.281.587.510	677.747.257.505
Chi phí nhân công	160.353.557.645	126.400.796.458
Chi phí khấu hao	29.274.659.394	29.703.698.097
Chi phí khác	92.346.355.176	96.061.557.598

Ngày 28 tháng 11 năm 2014

Người lập:



Lê Thiết Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm  
Tổng Giám đốc